UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ THƯ VŨ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 414 /BC-UBND	*Thư Vũ, ngày 30 tháng 10 năm 2026*

BÁO CÁO
Tổng kết công tác Tư pháp năm 2026 và nhiệm vụ, giải pháp công tác năm 2007

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh Hưng Yên

Thực hiện Công văn số 2061/STP-VP ngày 21 tháng 10 năm 2026 của Sở Tư pháp tỉnh Hưng Yên về báo cáo tổng kết công tác tư pháp năm 2026 và nhiệm vụ, giải pháp công tác năm 2027, Ủy ban nhân dân xã Thư Vũ báo cáo kết quả triển khai thực hiện như sau:

Phần thứ nhất:
TÌNH HÌNH CÔNG TÁC TƯ PHÁP NĂM 2026
I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH
1. Kết quả đạt được

- Được sự quan tâm, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương, sự chủ động, tích cực tham mưu kịp thời, sự phối hợp giữa các bộ phận chuyên môn. Đặc biệt là sự chỉ đạo, điều hành của Sở Tư pháp tỉnh đối với công tác Tư pháp - hộ tịch ngay từ đầu năm 2026 đã được Ủy ban nhân dân xã thực hiện đồng bộ. Chính nhờ làm tốt công tác chỉ đạo, hướng dẫn trong thời gian qua công tác Tư pháp - hộ tịch đã đạt được một số kết quả nhất định, các việc làm được giải quyết nhanh, gọn, tránh ùn tắc. Đầu năm 2026 UBND xã đã xây dựng Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ có hiệu quả nhiệm vụ công tác tư pháp năm 2026.

- Ủy ban nhân dân xã đã kịp thời chỉ đạo Văn phòng HĐND và UBND xã xây dựng và ban hành chương trình, kế hoạch để tổ chức thực hiện, theo đó: cần tập trung bám sát vào các nhiệm vụ trọng tâm trên tất cả các lĩnh vực hộ tịch; chứng thực; phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; chuẩn tiếp cận pháp luật; theo dõi tình hình thi hành pháp luật; xử lý vi phạm hành chính.

Ban hành các Kế hoạch, Quyết định như:

- Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2026 về Kế hoạch Phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2026 trên địa bàn xã Thư Vũ;

- Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2026, Kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn xã Thư Vũ năm 2026;

- Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2026 về thực hiện công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn xã Thư Vũ năm 2026

- Kế hoạch số 06/KH-UBND, ngày 07 tháng 01 năm 2026 về triển khai thực hiện công tác Bồi thường nhà nước trên địa bàn xã Thư Vũ năm 2026

- Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2026 về triển khai nhiệm vụ trọng tâm công tác Tư pháp năm 2026

- Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2026 về kế hoạch thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2026

- Kế hoạch số 79/KH-UBND, ngày 08 tháng 5 năm 2026 về Triển khai công tác quản lý thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2026 trên địa bàn xã Thư Vũ;

- Công tác trao đổi, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ luôn được cấp trên quan tâm thực hiện khá tốt, nhằm kịp thời tháo gỡ những hạn chế, khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Vướng mắc, khó khăn, hạn chế:

Do thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, công chức Tư pháp – hộ tịch xã mới phụ trách nhiều lĩnh vực, trong khi đó công việc được giao ngày càng nhiều, làm ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

II. TÌNH HÌNH CÔNG TÁC TRONG CÁC LĨNH VỰC CỤ THỂ

1. Công tác xây dựng, thẩm định; kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật

1.1. Kết quả đạt được:

- Công tác xây dựng pháp luật: Năm 2026, UBND xã Thư Vũ đã tham gia ý kiến nhiều dự thảo văn bản do các cơ quan, đơn vị gửi xin ý kiến. Thông qua công tác tham gia góp ý xây dựng văn bản, đã bổ sung, chỉnh sửa nhiều nội dung của dự thảo văn bản nhằm bảo đảm văn bản được ban hành hợp hiến, hợp pháp và có tính khả thi cao.

- Về kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật: Tự kiểm tra 100% văn bản chứa nội dung quy phạm pháp luật do HĐND và UBND xã ban hành. Số văn bản kiểm tra đảm bảo không trái với quy định pháp luật, thể thức trình bày và trình tự theo quy định của pháp luật.

- Về công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật: Căn cứ các quy định tại Chương III Nghị định số 79/2025/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP), Văn phòng HĐND&UBND xã đã thực hiện rà soát 04 Văn bản QPPL, qua rà soát, đã tham mưu ra quyết định bãi bỏ 04 Văn bản QPPL là các Quyết định của UBND xã đã ban hành.

- Năm 2026, UBND xã đã phân công cán bộ, công chức tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ do cấp trên tổ chức và bố trí kinh phí, nhân lực đảm bảo thực hiện cho công tác xây dựng, thẩm định, tự kiểm tra, rà soát hệ thống

hóa văn bản quy phạm pháp luật. Đồng thời UBND xã giao Văn phòng HĐND và UBND xã phối hợp với các Phòng thuộc UBND xã thực hiện công tác thẩm định các văn bản quy phạm pháp luật.

1.2. Vướng mắc, khó khăn, hạn chế:

Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật tuy được quan tâm thực hiện, nhưng công tác rà soát kiểm tra tính hợp hiến và hợp pháp chưa được thường xuyên.

2. Công tác tổ chức thi hành pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật.

2.1. Kết quả đạt được

- Kế hoạch số 79/KH-UBND, ngày 08 tháng 5 năm 2026 về Triển khai công tác quản lý thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2026 trên địa bàn xã Thư Vũ

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, tập huấn được thực hiện dưới nhiều hình thức như: hội nghị trực tiếp, lồng ghép trong các cuộc họp chuyên môn, đăng tải trên cổng/trang thông tin điện tử, hệ thống truyền thanh cơ sở, cấp phát tài liệu tuyên truyền... Qua đó góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ và Nhân dân.

- Việc xây dựng văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành được quan tâm thực hiện; các văn bản thuộc thẩm quyền cơ bản được ban hành đúng trình tự, thủ tục, bảo đảm tiến độ theo yêu cầu.

- Công tác theo dõi thi hành pháp luật được triển khai nghiêm túc theo quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Đơn vị đã ban hành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật hằng năm; xác định các lĩnh vực trọng tâm, liên ngành để tổ chức thực hiện.

- Thực hiện Quyết định số 46/QĐ-TTg ngày 08/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2026, đơn vị đã xây dựng kế hoạch triển khai phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương; tổ chức rà soát, theo dõi việc thực hiện trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

- Công tác kiểm tra tình hình thi hành pháp luật được tăng cường; đã tổ chức tự kiểm tra tại cơ sở nhằm kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện, từ đó đề xuất giải pháp xử lý phù hợp.

- Công tác chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ được quan tâm; thường xuyên đôn đốc các bộ phận chuyên môn, đơn vị trực thuộc thực hiện nhiệm vụ theo dõi thi hành pháp luật; cử công chức tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ do cấp trên tổ chức.

- Việc quản lý, khai thác và sử dụng Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo quy định; các phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân được tiếp nhận, xem xét và xử lý kịp thời.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật từng bước được quan tâm đầu tư; đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác pháp chế, theo dõi thi hành pháp luật cơ bản được kiện toàn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

2.2. Vướng mắc, khó khăn, hạn chế

- Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong theo dõi thi hành pháp luật có lúc chưa chặt chẽ; việc cung cấp thông tin, báo cáo ở một số đơn vị còn chậm, ảnh hưởng đến tiến độ tổng hợp chung.

- Nguồn nhân lực thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật còn mỏng, chủ yếu kiêm nhiệm nên chất lượng tham mưu có thời điểm chưa đáp ứng yêu cầu.

- Kinh phí dành cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, kiểm tra và theo dõi thi hành pháp luật còn hạn chế; việc tổ chức các hội nghị tập huấn, kiểm tra chuyên đề chưa được thường xuyên.

- Việc khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật có lúc có thời điểm còn chưa hiệu quả; cán bộ phụ trách còn hạn chế về kỹ năng công nghệ thông tin.

- Công tác theo dõi thi hành pháp luật ở một số lĩnh vực chưa đi vào chiều sâu; việc phát hiện, kiến nghị xử lý các bất cập trong thực tiễn thi hành pháp luật còn hạn chế.

- Một bộ phận người dân và doanh nghiệp chưa chủ động tìm hiểu pháp luật, dẫn đến việc chấp hành pháp luật chưa đầy đủ; vẫn còn phát sinh phản ánh, kiến nghị liên quan đến việc áp dụng pháp luật tại cơ sở.

3. Công tác quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; hòa giải cơ sở; trợ giúp pháp lý.

3.1. Kết quả đạt được:

3.1.1 công tác phổ biên, giáo dục pháp luật; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; hoà giải ở cơ sở.

- UBND xã đã xây dựng và ban hành Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 05/01 /2026 về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2026. Đồng thời triển khai kế hoạch đến các phòng, ban, ngành, UBMTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật: Triển khai thực hiện nghiêm túc Luật phổ biến, giáo dục pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành. Ngay từ đầu năm, công chức Tư pháp đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2026 và triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn xã bằng nhiều hình thức thích hợp, với nhiều nội dung đa dạng, phong phú đến cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trên địa bàn xã.

- Nhằm đẩy mạnh tuyên truyền về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, pháp luật trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, góp phần nâng cao nhận

thức của cán bộ và nhân dân trên địa bàn xã, hiện tại đã thành lập các nhóm Zalo phổ biến, giáo dục pháp luật (xã 05 nhóm với 109 thành viên), bên cạnh đó các thôn trên địa bàn xã cũng chủ động lập các nhóm zalo riêng tới từng hội viên, đoàn viên, tổ viên của mình để trao đổi thông tin, cũng như tuyên truyền PBGDPL. Năm 2026, UBND xã đã tiếp nhận, chia sẻ, tuyên truyền, phổ biến 150 tài liệu đến các cơ quan, đơn vị cán bộ, công chức, viên chức và người dân nắm, nghiên cứu.

- Củng cố, kiện toàn đội ngũ tuyên truyền viên pháp luật xã gồm 10 tuyên truyền viên pháp luật, 02 tập huấn viên đảm bảo thực hiện nhiệm vụ công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật tại địa phương.

- Công tác hòa giải ở cơ sở: Triển khai thực hiện nghiêm túc Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Phân công và cử cán bộ tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ, kỷ năng hòa giải ở cơ sở cho đội ngũ cán bộ làm công tác hòa giải ở cơ sở tại địa phương.

- Thường xuyên quan tâm củng cố, kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác hòa giải cơ sở. Năm 2026 thực hiện chủ trương sáp nhập thôn đã tổ chức kiện toàn 18 tổ hòa giải, gồm 174 thành viên.

- Năm 2026, tổng số vụ hoà giải các Tổ hòa giải tiếp nhận: 23 vụ hoà giải (đất đai 14 vụ, hôn nhân và gia đình 02 vụ, khác 07 vụ), đã đưa ra hòa giải 23 vụ, hòa giải thành 21 vụ, đạt 91,3%, hòa giải không thành 2 vụ, đạt 8,69%.

- Công tác đánh giá, chuẩn tiếp cận pháp luật: Triển khai thực hiện nghiêm túc Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg quy định về xã, phường, đặt khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Thông tư số 15/2025/TT-BTP hướng dẫn thi hành Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg. Công tác đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân trên địa bàn xã luôn được cấp ủy, chính quyền quan tâm lãnh, chỉ đạo thường xuyên liên tục, từ đó nhận thức và ý thức tự giác tuân thủ pháp luật của cán bộ, nhân dân trên địa bàn xã không ngừng được nâng cao.

3.1.2. Vướng mắc, khó khăn, hạn chế:

- Về PBGDPL: Từ sau ngày 01/7/2025, việc triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Tuy nhiên, khối lượng công việc lớn năng lực, trình độ của công chức xã chưa đáp ứng yêu cầu mới nên công tác tuyên truyền PBGDPL chưa được thường xuyên.

- Về chuẩn tiếp cận pháp luật, Hoà giải ở cơ sở: Kinh phí bố trí cho công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật của xã còn rất khó khăn, hạn chế; trước sáp nhập các xã đã thanh toán chi thù lao hòa giải cho các tổ hòa giải nhưng sau 01/7/2025 do công chức chuyên môn phải kiêm nghiệm nhiều việc nên

chưa tổng hợp hoàn thiện hồ sơ thanh toán cho các tổ hòa giải trên địa bàn xã.

- Công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp tại địa phương chưa được nhiều do một số doanh nghiệp thấy không cần thiết.

4. Công tác quản lý nhà nước về hộ tịch, quốc tịch, nuôi con nuôi

4.1. Kết quả đạt được:

4.1.1. Công tác hộ tịch, quốc tịch, nuôi con nuôi:

- Về công tác hộ tịch: Triển khai, quán triệt thực hiện nghiêm túc Luật hộ tịch và các văn bản hướng dẫn chi tiết thi hành, tổng hồ sơ tiếp nhận: 1660 trường hợp, cụ thể:

+ Đăng ký khai sinh: 767 trường hợp.

+ Đăng ký kết hôn: 198 trường hợp.

+ Đăng ký giám hộ: 0 trường hợp.

+ Đăng ký nhận cha, mẹ con: 05 trường hợp.

+ Đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch: 167 trường hợp.

+ Ghi vào Sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch của cá nhân theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: 35 trường hợp.

+ Đăng ký khai tử: 325 trường hợp.

+ Cấp bản sao trích lục hộ tịch: 1968 trường hợp.

+ Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân: 302 trường hợp.

+ Triển khai thực hiện tốt 02 nhóm thủ tục hành chính theo Đề án 06 thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi và đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, trợ cấp mai táng phí; Tăng cường chỉ đạo thực hiện việc đăng ký hộ tịch trực tuyến hộ tịch tại địa phương đảm bảo theo kế hoạch năm đề ra.

+ Phân công và cử cán bộ tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ, kỹ năng hộ tịch.

4.1.2. Về công tác quốc tịch:

Đã triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Quốc tịch Việt Nam năm 2025; Nghị định số 191/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam và Quyết định số 514/QĐ-BTP ngày 01/4/2021 của Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch triển khai Thỏa thuận toàn cầu về di cư hợp pháp, an toàn và trật tự của Liên hợp quốc của Bộ Tư pháp giai đoạn 2020-2030 đến cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trên địa bàn xã.

4.1.3. Về công tác nuôi con nuôi:

Triển khai quán triệt thực hiện nghiêm túc Luật nuôi con nuôi, Công ước La Hay, Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi và các văn bản hướng dẫn thi hành. Thường xuyên tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về pháp luật nuôi con nuôi để hạn chế tình trạng nuôi con nuôi mà không đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền. Tình hình đăng ký nuôi con nuôi trong nước: 06 tháng đầu năm 2026, Ủy ban nhân dân xã không có hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi trong nước.

5. Công tác quản lý đăng ký biện pháp bảo đảm (ĐKBPBĐ) và công tác bồi thường nhà nước:

5.1 Kết quả đạt được.

Thường xuyên quan tâm theo dõi, kiểm tra và đôn đốc việc giải quyết bồi thường, chi trả bồi thường và trách nhiệm hoàn trả tại địa phương. Qua theo dõi, quản lý và nắm tình hình trên địa bàn xã chưa có tổ chức và cá nhân nào có đơn yêu cầu được bồi thường Nhà nước và hỗ trợ tiền bồi thường Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vướng mắc, khó khăn, hạn chế:

Việc ứng dụng phần mềm một cửa điện tử để thực hiện giải quyết thủ tục hành chính được quan tâm thực hiện khá tốt, tuy nhiên, vẫn còn không ít khó khăn là hầu hết người dân chưa am hiểu và thực hiện được việc nộp hồ sơ trực tuyến và thanh toán trực tuyến, làm ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện công việc được giao. Phần mềm hộ tịch đôi lúc còn bị lỗi.

5.2 Công tác bồi thường nhà nước.

- Trong kỳ báo cáo, cơ quan đã tiếp tục triển khai thực hiện các quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành. Các nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước đã được thực hiện gồm:

- Tuyên truyền, phổ biến các quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và văn bản hướng dẫn thi hành đến cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý.

- Rà soát, theo dõi việc thực hiện các quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

- Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo về công tác bồi thường nhà nước theo quy định.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc triển khai thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

- Không phát sinh các hoạt động hướng dẫn, giải quyết vướng mắc hoặc kiểm tra chuyên đề về công tác bồi thường nhà nước.

- Tình hình yêu cầu bồi thường, giải quyết bồi thường và thực hiện trách nhiệm hoàn trả Trong kỳ báo cáo:

+ Số vụ việc yêu cầu bồi thường từ kỳ trước chuyển sang: 0 vụ.

+ Số vụ việc yêu cầu bồi thường thụ lý mới: 0 vụ.

+ Tổng số vụ việc yêu cầu bồi thường phải giải quyết trong kỳ: 0 vụ.

+ Số vụ việc đã giải quyết: 0 vụ.

+ Số vụ việc đang giải quyết: 0 vụ.

+ Tổng số tiền theo quyết định giải quyết bồi thường: 0 đồng.

+ Số tiền đã chi trả bồi thường: 0 đồng.

+ Số tiền phải hoàn trả và số tiền đã hoàn trả: 0 đồng.

- Công tác phối hợp liên ngành trong triển khai thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

+ Cơ quan tiếp tục duy trì công tác phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc triển khai thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; thực hiện trao đổi thông tin, phối hợp rà soát và giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

+ Trong kỳ báo cáo, không phát sinh vụ việc bồi thường nhà nước nên không phát sinh hoạt động phối hợp liên ngành để giải quyết yêu cầu bồi thường hoặc thực hiện trách nhiệm hoàn trả.

6. Công tác quản lý nhà nước về chứng thực

6.1. Kết quả đạt được

Triển khai, quán triệt thực hiện nghiêm túc Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch, Nghị định Số: 280/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch, được sửa đổi bởi Nghị định số 07/2025/NĐ-CP và Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 23/2015/NĐ-CP, tổng hồ sơ tiếp nhận: 14.204 trường hợp. Thu phí chứng thực 132.086.000 đồng, cụ thể:

+ Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận: 9597 trường hợp, thu phí chứng thực 68.016.000 đồng.

+ Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được): 4157 trường hợp, thu phí chứng 41.570.000 đồng.

+ Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở: 450 trường hợp, thu phí chứng thực 22.500.000 đồng

6.2.Vướng mắc, khó khăn, hạn chế: Không.

7. Về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

7.1. Kết quả đạt được

Thực hiện các quy định tại Nghị định số 55/2019/NĐ-CP, Quyết định số 84/QĐ-TTg, Quyết định số 345/QĐ-TTg và Quyết định số 843/QĐ-TTg, công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn đã được triển khai đồng bộ và đạt được một số kết quả như sau:

+ Ban hành kế hoạch và tổ chức triển khai các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

+ Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật mới liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp thông qua hội nghị, hội thảo, tập huấn, cổng thông tin điện tử và các phương tiện thông tin đại chúng.

+ Tổ chức các hội nghị đối thoại giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nhằm kịp thời nắm bắt, giải đáp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng pháp luật.

+ Tiếp nhận và giải đáp các kiến nghị, phản ánh của doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý; hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư, kinh doanh.

+ Phối hợp với các sở, ngành, hiệp hội doanh nghiệp triển khai hoạt động hỗ trợ pháp lý, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp.

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác hỗ trợ pháp lý; cập nhật, đăng tải kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật, tài liệu hỏi đáp pháp luật trên trang thông tin điện tử của địa phương.

+ Lồng ghép nội dung thực hành kinh doanh có trách nhiệm theo Chương trình hành động quốc gia ban hành kèm Quyết định số 843/QĐ-TTg vào hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho doanh nghiệp.

+ Qua các hoạt động hỗ trợ, nhận thức pháp luật và khả năng tiếp cận thông tin pháp lý của doanh nghiệp từng bước được nâng cao; nhiều vướng mắc pháp lý của doanh nghiệp được giải đáp, tháo gỡ kịp thời, góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh trên địa bàn. Mục tiêu chung của Đề án tại Quyết định 345/QĐ-TTg là nâng cao hiệu quả hỗ trợ pháp lý, tăng cường phổ biến pháp luật và giải quyết các khó khăn pháp lý cho doanh nghiệp.

7.2 Vướng mắc, khó khăn, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn còn một số khó khăn, hạn chế như:

+ Nguồn nhân lực làm công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp còn mỏng, chủ yếu là kiêm nhiệm nên chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu nhiệm vụ ngày càng tăng.

+ Kinh phí dành cho hoạt động hỗ trợ pháp lý còn hạn chế, ảnh hưởng đến việc tổ chức các hội nghị, lớp tập huấn chuyên sâu và hoạt động tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp.

+ Một số doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa thực sự quan tâm đến việc cập nhật, nghiên cứu các quy định pháp luật; việc tham gia các lớp tập huấn, hội nghị phổ biến pháp luật còn hạn chế.

+ Nội dung pháp luật liên quan đến hoạt động doanh nghiệp thường xuyên thay đổi, nhiều quy định chuyên ngành phức tạp, gây khó khăn cho cả cơ quan hỗ trợ và doanh nghiệp trong quá trình tiếp cận, áp dụng.

+ Việc phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong một số trường hợp chưa thực sự chặt chẽ, dẫn đến thời gian xử lý, giải đáp một số kiến nghị của doanh nghiệp còn kéo dài.

+ Công tác xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu về các vụ việc, tình huống pháp lý điển hình phục vụ doanh nghiệp còn hạn chế; việc ứng dụng chuyển đổi số trong hỗ trợ pháp lý chưa đồng bộ.

+ Số lượng doanh nghiệp có nhu cầu được tư vấn, hỗ trợ pháp lý ngày càng tăng trong khi nguồn lực thực hiện còn hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn.

+ Trong năm báo cáo, số lượng doanh nghiệp tham gia các hội nghị, tập huấn pháp luật chỉ đạt khoảng 70% tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn.

+ Một số lĩnh vực phát sinh nhiều vướng mắc như: đất đai, đầu tư, xây dựng, thuế, bảo hiểm xã hội, môi trường, đấu thầu và thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Nhiều doanh nghiệp phản ánh còn gặp khó khăn trong việc tiếp cận các quy định pháp luật mới do số lượng văn bản nhiều, thay đổi thường xuyên.

8. Công tác quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính

8.1. Kết quả đạt được:

Để kịp thời chỉ đạo tổ chức thi hành pháp luật trong công tác quản lý nhà nước ở xã ngày càng được tốt hơn. UBND xã đã xây dựng và ban hành Kế hoạch về công tác theo dõi thi hành pháp luật năm 2026 trên địa bàn xã.

- Công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính: Ủy ban nhân dân xã thực hiện tốt công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính, qua theo dõi Ủy ban nhân dân xã ban hành 05 quyết định với số tiền phạt 69.000.000 đồng.

- Công tác theo dõi thi hành pháp luật: Triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị định 59/2012/NĐ-CP, Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2012/NĐ-CP; Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo cho Công chức Tư pháp – Hộ tịch xã làm công tác tham mưu giúp Ủy ban nhân dân xã thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn xã.

8.2. Vướng mắc khó khăn, hạn chế:

Ý thức chấp hành pháp luật của một số ít người dân chưa cao, dẫn đến còn vi phạm pháp luật xảy ra, bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng chưa chấp hành nộp phạt theo quy định.

9. Tình hình triển khai công tác cải cách thủ tục hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính

9.1. Kết quả đạt được

+ Thực hiện rà soát, cập nhật, công khai đầy đủ các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả và trên môi trường điện tử theo quy định.

+ Tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC bảo đảm đúng trình tự, thời gian quy định; tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng và trước hạn đạt cao.

+ Đẩy mạnh tiếp nhận hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích, góp phần giảm thời gian, chi phí cho tổ chức và công dân.

+ Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu dùng chung, từng bước giảm yêu cầu cung cấp lại thông tin đã có.

+ Thường xuyên kiểm tra, theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ cải cách TTHC; kịp thời chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế trong quá trình giải quyết hồ sơ.

+ Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định hành chính và việc thực hiện TTHC được thực hiện nghiêm túc; không phát sinh hoặc xử lý kịp thời các phản ánh, kiến nghị.

9.2. Vướng mắc, khó khăn, hạn chế (có dẫn chứng cụ thể)

+ Một số quy định pháp luật thuộc các lĩnh vực chuyên ngành còn chồng chéo hoặc thường xuyên thay đổi, gây khó khăn cho quá trình cập nhật và hướng dẫn thực hiện.

+ Dẫn chứng: Hạ tầng công nghệ thông tin tại một số thời điểm chưa ổn định; việc kết nối, liên thông dữ liệu giữa các hệ thống còn phát sinh lỗi kỹ thuật.

+ Có thời điểm hệ thống giải quyết TTHC hoặc cổng dịch vụ công truy cập chậm, ảnh hưởng đến việc tiếp nhận hồ sơ trực tuyến của người dân.

+ Tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến chưa đồng đều, nhất là đối với người cao tuổi hoặc khu vực có điều kiện tiếp cận công nghệ thông tin còn hạn chế.

+ Dẫn chứng: Nhiều trường hợp người dân vẫn lựa chọn nộp hồ sơ trực tiếp mặc dù thủ tục đã cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

+ Khối lượng công việc ngày càng tăng trong khi nguồn nhân lực thực hiện công tác kiểm soát TTHC và chuyển đổi số còn hạn chế.

+ Dẫn chứng: Cán bộ vừa thực hiện chuyên môn, vừa đảm nhiệm nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ, số hóa hồ sơ và cập nhật dữ liệu trên hệ thống.

+ Việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC còn gặp khó khăn do hồ sơ giấy tồn đọng lớn, cần nhiều thời gian và nhân lực để thực hiện.

10. Công tác ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số

10.1. Kết quả đạt được

a) Kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ trong công tác tư pháp tại địa phương

+ UBND xã đã quán triệt, triển khai thực hiện các nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW; đồng thời đẩy mạnh thực hiện Đề án 06 trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của ngành Tư pháp.

+ Thực hiện tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; tăng cường sử dụng dịch vụ công trực tuyến đối với các thủ tục hộ tịch, chứng thực và các thủ tục hành chính khác thuộc lĩnh vực tư pháp.

+ Triển khai khai thác, sử dụng thông tin công dân từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, góp phần giảm việc yêu cầu người dân xuất trình, nộp các loại giấy tờ đã có trong cơ sở dữ liệu.

+ Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định; cập nhật hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

+ Tăng cường sử dụng chữ ký số, văn bản điện tử trong hoạt động quản lý, điều hành và xử lý công việc chuyên môn.

b) Tình hình triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin do Bộ Tư pháp triển khai

+ Đã triển khai sử dụng các phần mềm, hệ thống thông tin do Bộ Tư pháp và ngành Tư pháp cấp trên hướng dẫn, gồm: phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử; hệ thống chứng thực điện tử (nếu có); các phần mềm báo cáo, thống kê chuyên ngành và các ứng dụng phục vụ công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực tư pháp.

+ Việc sử dụng các phần mềm cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý, theo dõi và tổng hợp số liệu, góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết công việc, giảm thời gian xử lý hồ sơ.

10.2 Vướng mắc, khó khăn, hạn chế:

+ Một số thời điểm hệ thống hoạt động chưa ổn định, tốc độ truy cập chậm, ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết hồ sơ cho người dân.

+ Việc đồng bộ dữ liệu giữa các hệ thống đôi khi chưa kịp thời, phát sinh lỗi kỹ thuật cần được hỗ trợ từ đơn vị quản trị.

Đề xuất, kiến nghị:

+ Bộ Tư pháp và cơ quan chuyên môn cấp trên tiếp tục nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, bảo đảm hệ thống vận hành ổn định.

+ Tăng cường tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ và kỹ năng sử dụng các phần mềm cho công chức tư pháp - hộ tịch.

+ Kịp thời hỗ trợ xử lý các lỗi phát sinh trong quá trình vận hành hệ thống.

+ Tình hình kết nối, khai thác, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp với các hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu của địa phương.

+ Thực hiện khai thác, sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và các hệ thống chuyên ngành theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

+ Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính từng bước được thực hiện, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

+ Dữ liệu được khai thác phục vụ tra cứu, xác minh thông tin công dân, hỗ trợ giải quyết các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực tư pháp.

Khó khăn, vướng mắc:

+ Một số dữ liệu chưa được đồng bộ đầy đủ giữa các hệ thống.

+ Việc kết nối liên thông giữa cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin của địa phương đôi khi còn phát sinh lỗi kỹ thuật.

+ Chưa có đầy đủ công cụ hỗ trợ tra cứu, khai thác dữ liệu một cách thuận tiện và đồng bộ.

Đề xuất, kiến nghị:

+ Tiếp tục hoàn thiện cơ chế kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia và hệ thống thông tin của địa phương.

+ Nâng cao chất lượng dữ liệu, bảo đảm dữ liệu được cập nhật đầy đủ, chính xác và kịp thời.

+ Có hướng dẫn thống nhất về quy trình khai thác, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trong quá trình kết nối, chia sẻ dữ liệu.

10.3. Vướng mắc, khó khăn, hạn chế

+ Hạ tầng công nghệ thông tin tại địa phương còn hạn chế; một số trang thiết bị đã được trang bị từ nhiều năm trước, cấu hình thấp, ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng các phần mềm chuyên ngành.

+ Đường truyền Internet tại một số thời điểm chưa ổn định, gây khó khăn trong việc truy cập, cập nhật dữ liệu và giải quyết hồ sơ trực tuyến. Một số hệ thống phần mềm chuyên ngành còn phát sinh lỗi kỹ thuật, việc khắc phục phụ thuộc vào đơn vị quản trị cấp trên nên chưa kịp thời.

+ Tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến tuy đã tăng nhưng vẫn còn một bộ phận người dân chưa thành thạo kỹ năng số, cần được hướng dẫn, hỗ trợ khi thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến.

Dẫn chứng cụ thể (nếu có):

+ Một số thời điểm việc đồng bộ dữ liệu hộ tịch điện tử với cơ sở dữ liệu liên quan chưa thực hiện được ngay, phải xử lý bổ sung thủ công sau khi hệ thống hoạt động ổn định trở lại.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

+ Công tác ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong lĩnh vực tư pháp tại địa phương đã được quan tâm triển khai đồng bộ, từng bước đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, xây dựng chính quyền số và thực hiện các nhiệm vụ theo Nghị quyết số 57-NQ/TW và Đề án 06 của Chính phủ. Việc ứng dụng các phần mềm chuyên ngành, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, số hóa hồ sơ và khai thác dữ liệu điện tử đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho người dân và tổ chức khi thực hiện các giao dịch hành chính. Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác chuyển đổi số trong lĩnh vực tư pháp vẫn còn một số khó khăn, hạn chế như hạ tầng công nghệ thông tin chưa thực sự đồng bộ, còn phát sinh lỗi kỹ thuật, việc kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu có lúc chưa ổn định. Ngoài ra, nhận thức và kỹ năng sử dụng dịch vụ công trực tuyến của một bộ phận người dân còn hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai chuyển đổi số tại cơ sở.

+ Nhìn chung, công tác ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong lĩnh vực tư pháp đã có những chuyển biến tích cực, góp phần nâng cao chất

lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước. Trong thời gian tới, cần tiếp tục đầu tư hạ tầng kỹ thuật, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân tham gia sử dụng các dịch vụ số nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số toàn diện trong giai đoạn mới.

Phần thứ hai:

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CÔNG TÁC TƯ PHÁP NĂM 2027

Bối cảnh, yêu cầu triển khai công tác tư pháp năm 2027 của địa phương

+ Trong năm 2027, tình hình kinh tế - xã hội của địa phương tiếp tục có những thuận lợi và khó khăn đan xen. Nhu cầu của người dân và doanh nghiệp đối với các dịch vụ hành chính công ngày càng cao; yêu cầu cải cách hành chính, chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số tiếp tục được đẩy mạnh. Công tác hoàn thiện thể chế, tổ chức thi hành pháp luật, cải cách tư pháp và bảo đảm quyền con người, quyền công dân đặt ra nhiều nhiệm vụ mới đối với ngành Tư pháp. Bên cạnh đó, quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính theo chủ trương của Đảng và Nhà nước yêu cầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; tình hình khiếu nại, tố cáo, tranh chấp dân sự, đất đai và các vấn đề phát sinh trong đời sống xã hội đòi hỏi công tác tư pháp phải chủ động, kịp thời và sát cơ sở hơn.

I. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN CÔNG TÁC TƯ PHÁP NĂM 2027

1. Công tác xây dựng hoàn thiện thể chế

- Tiếp tục thi hành nghiêm, hiệu quả Luật ban hành văn bản QPPL, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản QPPL, các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật; Chỉ thị số 43/CT-TTg ngày 11/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật.

- Tự kiểm tra 100% văn bản QPPL do HĐND và UBND xã ban hành trong năm 2027 và kiểm tra văn bản QPPL theo lĩnh vực trọng tâm năm 2027, kịp thời báo cáo và đề xuất phương án xử lý những văn bản có dấu hiệu trái pháp luật, đồng thời đôn đốc, phối hợp tham mưu xử lý 100% văn bản QPPL có kiến nghị xử lý của cơ quan cấp trên.

2. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL); hòa giải ở cơ sở; chuẩn tiếp cận pháp luật và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

- Tiếp tục tổ chức nghiêm kết luận số 80-KL/TW ngày 20/6/2020 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật,

nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, Nhân dân; thực hiện đầy đủ, phát huy hiệu quả vai trò của đội ngũ tuyên truyền viên pháp luật xã trong hướng dẫn, chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác PBGDPL thuộc phạm vi quản lý; tuyên truyền, phổ biến, quán triệt nội dung các Luật, Pháp lệnh mới được ban hành và có hiệu lực trong năm 2027 và các văn bản pháp luật được dư luận xã hội quan tâm hoặc cần định hướng dư luận xã hội...các văn bản liên quan trực tiếp đến quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tổ chức, doanh nghiệp.

- Thực hiện có hiệu quả các Đề án như: "Nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật gắn với vận động quần chúng nhân dân chấp hành pháp luật tại cơ sở của lực lượng Công an nhân dân giai đoạn 2021-2027"; "Tuyên truyền, giáo dục, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ giai đoạn 2017 – 2027" "Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022 – 2027"…

- Tham mưu tổ chức thực hiện Ngày Pháp luật Việt Nam có hiệu quả, gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn của từng cơ quan, đơn vị, địa phương để lan tỏa tinh thần thượng tôn Hiến pháp, pháp luật đưa thượng tôn pháp luật trở thành chuẩn mực trong ứng xử của các chủ thể trong xã hội.

- Phối hợp với các ngành liên quan tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật bằng nhiều hình thức như: thi trực tuyến, sân khấu hóa, thi viết, ... gắn với việc tuyên truyền, phổ biến qua trang thông tin điện tử xã, facebook, Zalo…Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, đa dạng hóa các hình thức trong công tác PBGDPL, tổ chức vận hành có hiệu quả Cổng thông tin điện tử của xã, phát huy vai trò của mạng xã hội, các phương tiện truyền thông, báo chí, các thiết chế văn hóa, thông tin cơ sở… tham gia PBGDPL.

3. Công tác hòa giải ở cơ sở; chuẩn tiếp cận pháp luật

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Luật hòa giải ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành; tập trung củng cố, kiện toàn tổ hòa giải ở cơ sở và đội ngũ hòa giải viên; nâng cao chất lượng công tác hòa giải ở cơ sở nhằm giải quyết hiệu quả các mâu thuẫn, tranh chấp trong nội bộ Nhân dân, tạo sự đoàn kết trong cộng đồng dân cư; tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn triển khai, xây dựng mô hình "Tổ hòa giải cở cơ sở 5 tốt"; huy động nguồn lực xã hội tham gia công tác hòa giải ở cơ sở.

- Triển khai thực hiện nghiêm túc Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg quy định về xã, phường, đặt khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Thông tư số 15/2025/TT-BTP hướng dẫn thi hành Quyết định số 27. Đặc biệt chú trọng tiêu chí pháp luật trong xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao; thường xuyên kiểm tra, đánh

giá sự hài lòng của người dân về hiệu quả xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, đề xuất nâng cao công tác đánh giá, công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

4. Công tác xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật

- Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm, hiệu quả Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tăng cường công tác theo dõi, kiểm tra báo cáo kịp thời cấp thẩm quyền để chỉ đạo tháo gỡ.

- Thường xuyên chỉ đạo rà soát, đánh giá tình hình thi hành pháp luật, nhằm kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc, cản trở hoạt động đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp cũng như đời sống của Nhân dân, các vấn đề mới phát sinh cần điều chỉnh để kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền sửa đổi để phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Thực hiện hiệu quả Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2027; tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả, thực chất các giải pháp nâng cao điểm số và duy trì thứ hạng chỉ số Chi phí tuân thủ pháp luật (Chỉ số B1).

5. Công tác quản lý nhà nước về hành chí nh tư pháp, trợ giúp pháp lý

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Luật Hộ tịch và các văn bản quy định chi tiết thi hành; triển khai các nhiệm vụ được giao tại Đề án 06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, trong đó tập trung đẩy mạnh việc số hóa sổ hộ tịch lịch sử; theo dõi thường xuyên, kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện việc liên thông 02 nhóm TTHC liên quan đến đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử, thực hiện đăng ký hộ tịch trực tuyến.

- Triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả theo đúng quy định của pháp luật, nhất là Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch; Nghị định số 280/2025/NĐ-CP ngày 27/10/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch, được sửa đổi bổ sung bởi nghị định 07/2025/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành; Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm, hiệu quả Công ước La Hay năm 1993, Luật Nuôi con nuôi và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và các văn bản hướng dẫn, thi hành; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thực hiện công tác bồi thường nhà nước.

- Tiếp tục tổ chức thi hành hiệu quả Luật trợ giúp pháp lý và các văn bản hướng dẫn, thi hành. Tăng cường và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý. Phối hợp với trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh có ít nhất 03 lần về trợ giúp pháp lý cho xã.

* Để thực hiện tốt các nhiệm vụ công tác Tư pháp năm 2027 cần thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau đây:

- Tiếp tục đổi mới, quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao trách nhiệm người đứng đầu; tăng cường công tác cải cách hành chính; thực hiện nghiêm các chương trình, kế hoạch công tác đã đề ra, nhất là những nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến phát triển kinh tế - xã hội năm 2027.

- Thực hiện có hiệu quả các giải pháp tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tư pháp.

- Thường xuyên kiểm tra các mặt công tác Tư pháp, nhằm khắc phục kịp thời những hạn chế, bất cập, xử lý nghiêm các biểu hiện tiêu cực, gây phiền hà, sách nhiễu trong khi giải quyết yêu cầu của người dân, doanh nghiệp.

II. KIẾN NGHỊ - ĐỀ XUẤT

1. Đề nghị Sở Tư Pháp kiến nghị Bộ Tư pháp nâng cao chất lượng đường truyền phần mềm đăng ký và quản lý hộ tịch để tạo thuận lợi cho trong việc giải quyết thủ tục hành chính cho người dân được chính xác, kịp thời, tránh việc thường xuyên bị lỗi kết nối.

2. Đề nghị Sở Tư pháp thường xuyên mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ để nâng cao kinh nghiệp đáp ứng nhu cầu giải quyết công việc.

Trên đây là báo cáo công tác tư pháp năm 2026 và nhiệm vụ, giải pháp công tác năm 2027 trên địa bàn xã Thư Vũ.

Nơi nhận:
- Sở Tư pháp;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT, VP[Phi].

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Duy Long